

听一听，读一读。Listen and read.

èr、	zǎo	cāo					
二、	早	操					
xiǎo	niǎo	er	,	qǐ	de	zǎo	,
小	鸟	儿	,	起	得	早	,
tiào	lái	tiào	qù				
跳	来	跳	去				
zài	shù	zhī	shàng	zuò	zǎo	cāo	。
在	树	枝	上	做	早	操	。
xiǎo	péng	yǒu	,	qǐ	de	zǎo	,
小	朋	友	,	起	得	早	,
pǎo	lái	pǎo	qù				
跑	来	跑	去				
zài	cǎo	dì	shàng	zuò	zǎo	cāo	。
在	草	地	上	做	早	操	。